TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **263/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2024
"*V/v: Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 586/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1985.

HKTT: Tổ Q, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Căn hộ O, chung cư C, khu dân cư G, phường G, thành phố G, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ Q, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà và ông Phan Văn H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Sau này vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng bà đã sống ly thân. Xét tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Trần Mỹ L, sinh ngày 04/12/2010 và Phan Trần Quế C, sinh ngày 15/6/2017. Khi ly hôn, bà N đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị N. Bà N được ly hôn với ông Phan Văn H.

+ Về con chung: Giao 02 cháu Phan Trần Mỹ L, sinh ngày 04/12/2010 và Phan Trần Quế C, sinh ngày 15/6/2017 cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Phan Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: bà N phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Phan Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Phan Văn H tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà N, ông H là hợp pháp. Nay bà N xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà N: Bà N xin ly hôn với ông H với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ của ông H cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N, ông H thì được biết: Ông Phan Văn H, sinh năm 1985 có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ Tổ Q, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian bà N, ông H sống chung tại phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không được biết do ông bà không trình báo.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N, ông H lên Tòa làm việc, hòa giải để hàn gắn đoàn tụ nhưng bà N kiên quyết xin ly hôn và ông H vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông H đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà N, ông H là có thật, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Cho bà N được ly hôn với ông H là phù hợp.

[4] Về con chung: có 02 cháu tên Phan Trần Mỹ L, sinh ngày 04/12/2010 và Phan Trần Quế C, sinh ngày 15/6/2017, hiện tại hai cháu đang sống với bà N. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu L và cháu C và hai cháu cũng có nguyện

vọng được sống cùng với bà N. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H để lấy ý kiến về việc chăm sóc con chung nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo việc ổn định cuộc sống, phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của cháu L, cháu C, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà N về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu giải quyết. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N. Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trần Mỹ L, sinh ngày 04/12/2010 và Phan Trần Quế C, sinh ngày 15/6/2017 cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Phan Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 02721 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai (1);
-VKSND thành phố Biên Hòa (2);
-THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
-UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
-Đương sự (4)
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Thủy